

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 đến ngày 07 tháng 10 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Đồng Xoài	34,6	1.572,8	- 21,0	- 46,2	- 16,6	- 21,1	+ 5,1	62,60
Bình Long	68,4	1.670,6	+ 5,5	+ 14,8	+ 43,5	- 19,2	+ 0,7	66,83
Bù Đăng	25,6	1.594,0	- 25,9	- 27,9	- 38,5	- 33,8	- 16,4	54,43
Bù Đốp	55,8	1.543,6	- 27,5	- 8,5	+ 43,2	+ 8,2	+ 11,0	68,96
Lộc Ninh	52,4	1.099,2	- 33,3	- 29,9	- 34,0	- 64,3	+ 6,0	53,21
Phước Hòa	28,7	1.142,1	- 26,6	- 19,0	- 2,3	- 30,7	- 15,0	57,76
Phước Long	110,2	1.949,2	- 11,4	- 16,6	- 11,5	- 22,3	+ 16,5	73,08
Trị An	66,3	1.126,7	- 29,8	- 34,5	- 20,9	- 16,2	- 25,1	70,48
Trung bình	55,3	1.462,3	- 21,3	- 21,0	- 4,6	- 24,9	- 2,2	63,4

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích tuần qua trung bình tại các trạm đo khoảng 55 mm, thấp hơn TBNN 21,3%, thấp hơn 21,0% so với năm 2019, thấp hơn 4,6% so với năm 2018, thấp hơn 24,9% so với năm 2017 và thấp hơn 2,2% so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Phước Long (110,2 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Bù Đăng (25,6 mm). *Cục bộ, tại trạm Phước Long mưa to 64 mm ngày 27/9 (tỉnh Bình Phước).*

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 63,4 mm, có xu hướng xấp xỉ trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)						Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017	2016	Tuần trước		
Hồ Suối Giai	21,3	21,30	100,00	+ 11,3	0	+ 8,1	0	+ 32,0	+ 3,1	Tăng	100,00
Hồ NT6	2,75	2,75	100,00	+ 1,6	0	0	0	+ 8,3	0	Tăng	100,00
Hồ NT9	1,97	1,97	100,00	+ 3,4	0	0	+ 0,5	+ 8,2	0	Tăng	100,00
Hồ NT8	1,3	1,30	100,00	+ 0,6	0	0	-	+ 3,2	0	Tăng	100,00
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,74	100,00	+ 3,3	0	0	-	+ 10,5	0	Tăng	100,00
Hồ Lộc Quang	5,826	4,41	75,61	- 13,4	- 4,1	- 24,4	- 24,3	- 3,8	0	Tăng	82,11
Hồ Tân Lợi	2,87	2,87	100,00	+ 3,6	0	0	+ 0,3	+ 20,6	0	Tăng	100,00
Hồ Suối Ông	0,386	0,39	100,00	+ 0,6	0	- 1,0	+ 1,0	+ 1,2	0	Tăng	100,00
Hồ Bàu Úm	1,58	1,22	77,37	- 15,4	0	- 22,6	- 12,7	- 15,1	+ 2,0	Tăng	81,14
Hồ NT 4	2,615	2,62	100,00	+ 3,5	0	- 0,2	0	+ 17,2	0	Tăng	100,00
Đập Thọ Sơn	0,963	0,96	100,00	+ 1,6	0	+ 0,3	0	+ 8,0	0	Tăng	100,00
Hồ Đồng Xoài	9,66	9,62	99,61	+ 13,6	0	0	- 0,4	+ 62,0	0	Tăng	99,61
Hồ Bù Môn	0,2	0,20	100,00	+ 21,5	0	+ 300	0	+ 1,0	0	Tăng	100,00
Hồ Sa Cát	1,327	1,33	100,00	+ 0,9	0	- 0,2	0	+ 1,3	0	Tăng	100,00
Hồ An Khương	2,6	1,59	61,15	- 22,4	+ 9,5	- 38,8	- 38,8	- 12,4	+ 9,5	Tăng	73,51
Hồ Ông Thọai	1,765	1,77	100,00	+ 3,9	0	- 0,3	0	+ 17,7	0	Tăng	100,00
Hồ Càn Đơn	165,49	139,98	84,58	+ 1,6	- 6,1	- 6,8	- 7,3	+ 6,8	- 4,5	Giảm	79,55
Trung bình/Tổng	224,342^(*)	196,00	87,37	+ 1,2	- 0,0	+ 12,6	- 4,8	+ 9,8	+ 0,6		83,99

Ghi chú: "+", "-" Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là **224,342** triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 30/09/2020 vẫn còn khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 196,00 triệu m³ (đạt 87,37% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa cao hơn so với cùng kỳ TBNN, cao hơn cùng kỳ so với năm 2018 và năm 2016, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2019.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 10 của vụ Mùa năm 2020 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **2,87** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa năm 2020				
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 10 cho vụ Mùa năm 2020 (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		649,00	50,00	1,362,0	23	2,87
1	Hồ Suối Giai		50,0	130,0	3	0,05
2	Hồ NT6	0	0	10	0	0,01
3	Hồ NT9	0	0	30	0	0,02
4	Hồ NT8	0	0	25	0	0,02
5	Hồ NT2 - Đ7	0	0	40	0	0,02
6	Hồ Lộc Quang	260	0	270	4	0,49
7	Hồ Tân Lợi	0	0	70	0	0,13
8	Hồ Suối Ông	10	0	0	1	0,01
9	Hồ Bàu Úm	4	0	0	2	0,01
10	Hồ NT 4	0	0	150	0	0,08
11	Đập Thọ Sơn	0	0	70	0	0,07
12	Hồ Đồng Xoài	15	0	44	8	0,97
13	Hồ Bù Môn	40	0	0	0	0,04
14	Hồ Sa Cát	0	0	60	0	0,11
15	Hồ An Khương	120	0	33	2	0,22
16	Hồ Ông Thoại	0	0	30	0	0,14
17	Hồ Cản Đơn	200	0	400	3	0,48

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 10 năm 2020 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Suối Giai	5,37
2	Hồ NT6	1,05
3	Hồ NT9	0,93
4	Hồ NT8	2,47
5	Hồ NT2 - Đ7	0,44
6	Hồ Lộc Quang	1,66
7	Hồ Tân Lợi	2,97
8	Hồ Suối Ông	0,26
9	Hồ Bàu Úm	0,65
10	Hồ NT 4	1,76
11	Đập Thọ Sơn	0,28
12	Hồ Đồng Xoài	3,86
13	Hồ Bù Môn	9,91
14	Hồ Sa Cát	0,96
15	Hồ An Khương	0,61
16	Hồ Ông Thoại	0,81
17	Hồ Cản Đơn	294,35

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 10 cho vụ Mùa, kết quả dự báo tuần từ ngày 01/10/2020 đến ngày 07/10/2020 như sau:

- **17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bàu Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Cồn Đơn, hồ Bù Môn.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa năm 2020 từ ngày 01/10/2020 đến 07/10/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	100,00	183	100,00	100	183	Đủ nước
Hồ NT6	100,00	10	100,00	100	10	Đủ nước
Hồ NT9	100,00	30	100,00	100	30	Đủ nước
Hồ NT8	100,00	25	100,00	100	25	Đủ nước
Hồ NT2 - Đ7	100,00	40	100,00	100	40	Đủ nước
Hồ Lộc Quang	75,61	534	78,86	100	534	Đủ nước
Hồ Tân Lợi	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Suối Ông	100,00	11	100,00	100	11	Đủ nước
Hồ Bàu Úm	77,37	6	78,88	100	6	Đủ nước
Hồ NT 4	100,00	150	100,00	100	150	Đủ nước
Đập Thọ Sơn	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Đồng Xoài	99,61	67	99,61	100	67	Đủ nước
Hồ Bù Môn	100,00	40	100,00	100	40	Đủ nước
Hồ Sa Cát	100,00	60	100,00	100	60	Đủ nước
Hồ An Khương	61,15	155	61,15	100	155	Đủ nước
Hồ Ông Thoại	100,00	30	100,00	100	30	Đủ nước
Hồ Cồn Đơn	84,58	603	79,20	100	603	Đủ nước
Trung bình/Tổng	87,37	2.084,0^(*)	83,49	100	2.084,0^(*)	

Ghi chú: ^(*) Giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đăng	2.022,3	+ 88,1	- 13	- 36	Rủi ro hạn thấp
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riềng					
	Đakia – Bù Đốp					

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Đồng Xoài	Đồng Tâm – Đồng Phú	1.635,4	+ 33	- 22	- 47	Rủi ro hạn thấp
	Minh Hưng – Chơn Thành					
Trung bình		1.828,8	+ 60,8	- 17	- 41	Rủi ro hạn thấp

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 17%, cao hơn 60,8% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Mặt khác, khu vực đang trong mùa mưa, tuần qua lại phổ biến mưa nhỏ đến mưa vừa, lượng mưa sẽ bổ sung thêm lượng nước cho sản xuất nông nghiệp khu vực ngoài khu tưới công trình thủy lợi. Như vậy, không xảy ra hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất nằm ngoài hệ thống công trình thủy lợi.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
2.084	649	1.435					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 07/10/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 187,31 triệu m³ (chiếm 83,49% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 07/10/2020 không thay đổi.

Hiện tại, khu vực đang trong mùa mưa lũ, để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Mùa 2020 và nhằm ứng phó với diễn biến thiên tai có thể xảy ra, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Tăng cường nguồn lực thực hiện các giải pháp phòng, chống, ngập lụt, úng, đảm bảo cấp nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh; **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ; **(4)** Đề phòng tình trạng ngập lụt nếu có mưa lớn xảy ra, khi hồ chứa thượng lưu xả lũ... (Điển hình

như khu vực ven Suối Rạt thuộc TP Đồng Xoài và huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước).

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 08/10/2020 (tuần sau)./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG